kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 02/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L12.CK1.021

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong thí nghiệm đo nhiệt dung riêng bằng nhiệt lượng kế, một phần nhiệt lượng thoát ra môi trường. Vì thế giá trị nhiệt dung riêng tính được so với giá trị thật sẽ

A. bằng đúng giá trị thật.

B. lúc lớn hơn lúc nhỏ hơn tuỳ lần đo.

C. nhỏ hơn.

D. lớn hơn.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng về khí lí tưởng và các thông số trạng thái?

A. Trong các định luật chất khí, dùng nhiệt độ Celsius hay Kelvin đều được.

B. Khí thực càng gần khí lí tưởng khi áp suất càng cao và nhiệt độ càng thấp.

C. Khí lí tưởng là khí có các phân tử đứng yên.

D. Trạng thái của một lượng khí xác định bởi ba thông số: áp suất, thể tích và nhiệt độ tuyệt đối.

Câu 3. Phương trình cân bằng nhiệt của một hệ cách nhiệt được viết là

A. $Q_{\text{toả}} = mc\Delta t$ của riêng vật lạnh

B. $Q_{\text{toả}} = Q_{\text{thu}}$

C. $Q_{\text{toả}} = 2Q_{\text{thu}}$

D. $Q_{\text{toả}} + Q_{\text{thu}} = 0$ với cả hai đều dương

Câu 4. Nhiệt độ của một vật là đại lượng

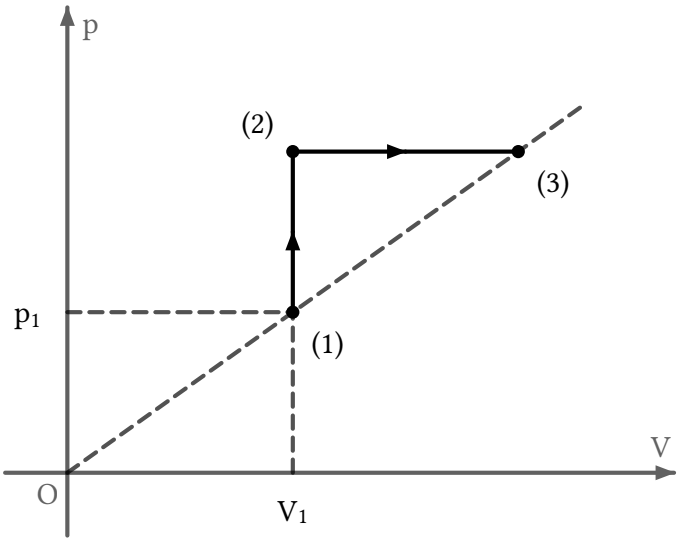
A. tỉ lệ với thế năng tương tác giữa các phân tử.

B. bằng tổng động năng của tất cả các phân tử trong vật.

C. bằng nhiệt lượng mà vật đang chứa.

D. tỉ lệ với động năng trung bình của chuyển động nhiệt của các phân tử.

Câu 5. Một lượng khí lí tưởng xác định biến đổi trạng thái theo các quá trình liên tiếp $(1) \to (2) \to (3)$ được biểu diễn trong hệ toạ độ (p, V) như hình vẽ. Quá trình $(1) \to (2)$ là quá trình đẳng tích, nhiệt độ tuyệt đối của khí tăng 2 lần. Trạng thái (3) nằm trên đường thẳng (nét đứt) đi qua gốc toạ độ O và trạng thái (1). Tỉ số $\dfrac{T_3}{T_1}$ giữa nhiệt độ tuyệt đối của khí ở trạng thái (3) và ở trạng thái (1) bằng



A. $\dfrac{1}{4}$ **B.** 4 **C.** 1 **D.** 2

Câu 6. Một mẫu đồng (Cu) có khối lượng 46 g khối lượng mol của nó là 64 g/mol, lấy $N_A = 6,02 \cdot 10^{23}$ mol^{-1}. Số nguyên tử có trong mẫu, tính theo đơn vị 10^{23}, bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

A. $8,4$ **B.** $4326,9$ **C.** $4,3$ **D.** $0,7$

Câu 7. Nhiệt lượng cần để làm nóng chảy hoàn toàn một khối chất rắn đang ở nhiệt độ nóng chảy được tính bằng

A. $Q = \dfrac{m}{\lambda}$ **B.** $Q = mc\Delta t$ **C.** $Q = \lambda m$ **D.** $Q = \lambda m\Delta t$

Câu 8. Nhiệt lượng một vật thu vào khi nóng lên được tính bằng

A. $Q = mc\Delta t$ **B.** $Q = mc$ **C.** $Q = \dfrac{c\Delta t}{m}$ **D.** $Q = \dfrac{m\Delta t}{c}$

Câu 9. Nhiệt hoá hơi riêng của một chất lỏng là nhiệt lượng cần cung cấp để

A. một kilôgam chất lỏng ấy nóng thêm một độ.

B. một kilôgam chất lỏng ấy ở nhiệt độ sôi chuyển hoàn toàn thành hơi.

C. cả lượng chất lỏng ấy chuyển hoàn toàn thành hơi.

D. một kilôgam chất rắn ấy chuyển hoàn toàn sang thể lỏng.

Câu 10. Một lượng khí có thể tích 4, 3 lít ở điều kiện tiêu chuẩn; thể tích mol là 22, 4 lít/mol và $N_A = 6,02 \cdot 10^{23}$ mol^{-1}. Số phân tử khí trong lượng khí ấy, theo đơn vị 10^{23}, bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $1,16$ **B.** $25,89$ **C.** 0 **D.** $0,19$